

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
huyện Quảng Trạch năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước; Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/07/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Kế hoạch Tài chính – Ngân sách nhà nước 3 năm 2023-2025;

Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Bình về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2023;

Theo đề nghị của UBND huyện Quảng Trạch tại Tờ trình số 231/TTr-UBND ngày 6 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Quảng Trạch về việc đề nghị thông qua dự thảo Nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách địa phương huyện Quảng Trạch năm 2023; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra số 128/BC-KTXH ngày 13/12/2022 của Ban Kinh tế - xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 của huyện Quảng Trạch như sau:

I. Tổng thu ngân sách địa phương: 847.190 triệu đồng.

(Trong đó: Ngân sách địa phương hưởng: 780.665 triệu đồng)

Bao gồm:

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 385.750 triệu đồng

(Trong đó: Ngân sách địa phương hưởng: 319.225 triệu đồng)

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh: 458.163 triệu đồng, trong đó:

+ Thu cân đối: 449.348,5 triệu đồng

+ Thu bổ sung có mục tiêu: 8.814,5 triệu đồng

3. Thu điều tiết từ các khoản thu do Tỉnh quản lý: 3.277 triệu đồng

(Số liệu Thu chi tiết thể hiện tại Phụ lục số 01,02 đính kèm)

II. Tổng chi ngân sách địa phương 2023: 780.665 triệu đồng.

Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 263.899 triệu đồng, cụ thể:

+ Vốn tập trung: 21.299 triệu đồng

+ Vốn quỹ đất: 239.600 triệu đồng

+ Vốn bổ sung có mục tiêu của Tỉnh: 3.000 triệu đồng

2. Chi thường xuyên: 495.029 triệu đồng, cụ thể:

+ Chi quốc phòng, an ninh: 11.893 triệu đồng

+ Chi giáo dục, đào tạo: 265.144 triệu đồng

+ Chi y tế, dân số: 34.651 triệu đồng

+ Chi VH TT, TDTT: 1.840 triệu đồng

+ Chi SN phát thanh - TH: 1.150 triệu đồng

+ Chi bảo vệ môi trường: 6.085 triệu đồng

+ Chi SN kinh tế: 17.760 triệu đồng

+ Chi QLNN, Đảng, đoàn thể: 99.500 triệu đồng

+ Chi ĐBXH: 54.936 triệu đồng

+ Chi khác: 2.070 triệu đồng.

3. Chi dự phòng ngân sách: 14.737 triệu đồng

4. Chi dự phòng bù hụt thu: 7.000 triệu đồng.

(Số liệu Chi chi tiết thể hiện tại Phụ lục 01,03 đính kèm)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này; trong quá trình thực hiện nếu có những phát sinh ngoài dự toán, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Quảng Trạch khoá XX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- VP ĐBQH tỉnh và HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT. Huyện uỷ;
- VP và các Ban huyện uỷ;
- TT. HĐND, các Ban HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng chuyên môn;
- Các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- HĐND, UBND các xã;
- Website huyện Quảng Trạch;
- Lưu: VT.

(để B/cáo)



CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Đạt

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 23/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Trạch)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	759.511	1.308.141	780.665	-527.476	59,7
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	298.565	325.244	319.225	-6.019	98,1
-	Thu NSDP hưởng 100%	128.134	77.242	121.134	43.892	
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	170.431	248.003	198.092	-49.911	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	456.896	729.457	458.163	-271.294	62,8
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	453.734	528.386	449.349	-79.038	85,0
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.162	201.071	8.815	-192.256	4,4
III	Thu điều tiết từ các đơn vị ngân sách tỉnh quản lý	4.050		3.277		
IV	Thu kết dư		720			
V	Thu nộp trả NS cấp trên		92			
VI	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		252.629			
B	TỔNG CHI NSDP	759.511	1.086.029	780.665	-305.364	71,9
I	Tổng chi cân đối NSDP	759.511	852.951	780.665	-72.286	91,5
1	Chi đầu tư phát triển	270.355	385.341	263.899	-121.442	68,5
2	Chi thường xuyên	476.029	457.940	495.029	37.089	108,1
3	Dự phòng ngân sách	13.127	9.671	14.737		
4	Dự phòng bù hụt thu			7.000		
II	Chi các chương trình mục tiêu		117.528			
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		3.995			
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		113.533			
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
IV	Chi nộp NS cấp trên		92			
V	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới		115.459			



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Xem theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Trạch)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	380.302,6	325.244,1	385.750,0	319.225,0	101,4	98,1
I	Thu nội địa	380.302,6	325.244,1	385.750,0	319.225,0	101,4	98,1
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	820,1	820,1				
	- Thuế giá trị gia tăng	484,0	484,0				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	336,1	336,1				
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	17.266,4	17.257,0	20.500,0	20.500,0	118,7	118,8
	- Thuế giá trị gia tăng	13.216,4	13.206,9	18.255,0	18.255,0	138,1	138,2
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	100,0	100,0
	- Thuế tài nguyên	3.047,2	3.047,2	1.230,0	1.230,0	40,4	40,4
	- Thu khác do ngành Thuế thực hiện	2,8	2,8	15,0	15,0	530,4	530,4
5	Thuế thu nhập cá nhân	17.366,8	17.366,8	23.000,0	23.000,0	132,4	132,4
6	Thuế bảo vệ môi trường						
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước						
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
7	Lệ phí trước bạ	24.273,8	24.273,8	29.500,0	29.500,0		
8	Thu phí, lệ phí	3.995,2	3.096,8	3.000,0	3.000,0	75,1	96,9
	- Phí và lệ phí cấp trên thu	898,3	0,0				
	- Phí và lệ phí huyện	1.497,7	1.497,7	1.208,0	1.208,0	80,7	
	- Phí và lệ phí xã, phường	1.599,1	1.599,1	1.792,0	1.792,0	112,1	112,1
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	33,4	33,4	0,0	0,0		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.390,1	1.220,9	250,0	125,0	10,5	10,2
12	Thu tiền sử dụng đất	300.000,0	252.279,8	305.000,0	239.600,0	101,7	95,0
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.264,6	2.469,9	0,0	0,0		
16	Thu khác ngân sách	7.878,7	4.412,1	3.300,0	2.300,0	41,9	52,1
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.013,5	2.013,5	1.200,0	1.200,0	59,6	59,6
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu						
IV	Thu viện trợ						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 23/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Trạch)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	759.511	780.665	21.154	102,8
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	759.511	780.665	21.154	102,8
I	Chi đầu tư phát triển	270.355	263.899	-6.456	97,6
1	Chi đầu tư cho các dự án	270.355	263.899	-6.456	97,6
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn				
-	Vốn tập trung	20.265	21.299		
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	247.090	239.600	-7.490	97,0
-	Vốn bổ sung có mục tiêu	3.000	3.000	0	100,0
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	476.029	495.029	19.000	104,0
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	249.261	265.144	15.883	106,4
2	Chi quốc phòng, an ninh	13.107	11.893	-1.214	90,7
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	33.342	34.651	1.309	103,9
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	2.111	1.840		
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	1.084	1.150	66	106,1
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	5.619	6.085		
7	Chi hoạt động kinh tế	22.017	17.760	-4.257	80,7
8	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	99.077	99.500		
9	Chi bảo đảm xã hội	48.378	54.936	6.558	113,6
10	Chi khác	2.033	2.070		
III	Dự phòng ngân sách	13.127	14.737		
IV	Dự phòng bù hụt thu		7.000		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU				